





NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÒ HỘP HẠ LONG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29/06/2006, được Quốc hội khóa XI sửa đổi, bổ sung 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017.
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
1.	Điều 1	Điều 1	
	Khoản 1, Điều 1	Bổ sung điểm c, g, h, i và sửa đổi điểm f Khoản 1, Điều 1 như sau:	
	Chưa có định nghĩa về “Luật Chứng khoán”, “Người phụ trách Quản trị Công ty”, “Cổ đông lớn”, “Quy chế Quản trị Công ty	<p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.</p> <p>g. “Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty” có nghĩa như được quy định tại Điều 33 Điều Lệ này.</p> <p>h. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</p> <p>i. “Quy Chế Quản Trị Công Ty” là quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để quy định về quản trị, điều hành Công Ty phù hợp với quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.</p>	Sửa đổi bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật Chứng Khoán, Khoản 8 Điều 2 và Khoản 1 Điều 7 Nghị định 71, Phần I Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là “Điều lệ mẫu”)
	e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp;	f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán; i.	Sửa đổi bổ sung để phù hợp với Điều lệ mẫu và Khoản 9, Điều 2 của Nghị định 71.

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
2.	<p>Sửa đổi khoản 1, Điều 2 (cũ) – Biểu tượng (Logo) đã đăng ký bản quyền</p> 		
3.	Người đại diện theo pháp luật của công ty	Điều 3 Người đại diện theo pháp luật của công ty	
4.	Chưa có	Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp	Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 3 Điều lệ mẫu:
5.	Điều chỉnh Điều 4 thành Điều 5	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 5 Điều lệ mẫu
6.	Điều 5.6	Điều 6 (bổ sung vào thêm bên dưới các mục hiện hữu)	
		6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện	Điều chỉnh và bổ sung để phù hợp

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 20 (hai mươi) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội Đồng Quản Trị của Công ty quyết định. Hội Đồng Quản Trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.	với Điều 124 Luật Doanh nghiệp và Khoản 6 - Điều 6 của Điều lệ mẫu.
7.	Thay thế khoản 2, Điều 6 (cũ)	Điều 7	
	Điều 6 Chứng chỉ cổ phiếu 2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.	2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 - Điều 7 Điều lệ mẫu:
8.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 8 (cũ)	Điều 9	
	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.	2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	Điều chỉnh để phù hợp với điều lệ mẫu
9.	Sửa đổi khoản 3 & 4 Điều 9 (cũ)	Điều 10	
	Điều 9. Thu hồi cổ phần 3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các	3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội Đồng Quản Trị có quyền thu hồi số cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn đó.	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 3, 4 Điều 10 Điều lệ mẫu:

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	<p>khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội Đồng Quản Trị có quyền thu hồi số cổ phần đó.</p> <p>4. Hội Đồng Quản Trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội Đồng Quản Trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp.</p>	<p>4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty và được quyền chào bán theo khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội Đồng Quản Trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp.</p>	
10.	Sửa đổi và bổ sung khoản 2 và khoản 3, Điều 11 (cũ)	Điều 12	
	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;</p>	<p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến chính cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10 (mười) % tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và và Điều 136 Luật doanh nghiệp; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều chỉnh, bổ sung để phù hợp Điều 114 Luật Doanh nghiệp</p>
11.	Điều 12 (cũ)	Điều 13 (bổ sung)	
	<p>Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông Chưa có quy định về nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự cuộc họp và biểu quyết tại</p>	<p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2</p>

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	ĐHĐCĐ.	a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	Điều 13 Điều lệ mẫu:
12.	Sửa đổi điểm b, c Khoản 3 và điểm c Khoản 4 Điều 13 (cũ)	Điều 14	
	<p>Điều 13. Đại hội Cổ đông</p> <p>3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội Đồng Quản Trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, e Khoản 3 Điều 13.</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>2. Trường hợp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan. (bổ sung này vào).</p> <p>3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6</p>	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 3, 4, 5, 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2, 3 & 4 Điều 14 Điều lệ mẫu:

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại với điều kiện là người triệu tập cuộc họp phải xuất trình hóa đơn hợp lệ có ghi thông tin của Công ty là bên mua hàng. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	
13.	Sửa đổi điểm (e), (l), xóa bỏ điểm (n) khoản 2 và sửa đổi điểm (b) khoản 3, Điều 14 (cũ)	Điều 15	
	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát và phê chuẩn việc Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm Tổng Giám Đốc đồng thời kiêm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;	Điều chỉnh để phù hợp với Điểm d, e Khoản 2 Điều 15, Điểm b Khoản 3 Điều 15 Điều lệ mẫu
	l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50 (năm mươi) % trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; n. Việc Tổng Giám Đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;	l. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch mua/bán tài sản của Công ty hoặc (các) chi nhánh Công ty có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;	Điều chỉnh để nhất quán với Khoản 1 Điều 21 (mới) của Điều lệ
	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.	3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán/	

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		Trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.	
14.	Sửa đổi điểm (b), khoản 2 và khoản 4 Điều 15 (cũ)	Điều 16	
	b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;	<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn 1 (một) người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều 16 của Điều lệ mẫu:
	4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. 	4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. <p>Tuy nhiên, điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi</p>	

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	cuộc họp được triệu tập lại.	
15.	Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 16 (cũ)	Điều 17	
	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 14 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65 (sáu mươi lăm) % quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p> <p>2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 2 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có 1 (một) lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</p>	<p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần ưu đãi sẽ chỉ được thông qua khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông qua, nắm giữ ít nhất 65 (sáu mươi lăm) % quyền biểu quyết của cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên</p>	Điều chỉnh để phù hợp với điều lệ mẫu
16.	Sửa đổi khoản 2, 3, 4 & 6 Điều 17 (cũ)	Điều 18	
	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn [10] ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 7 Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu:</p>
	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp trước ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với Điều 139 Luật doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu:</p>

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.	để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	
	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 18 Điều lệ mẫu:
	Khoản 6 của Điều này được chuyển đến Khoản 3, Điều 21 (mới)	[Khoản 6 của Điều này được chuyển sang Khoản 4 Điều 21]	
5.	Sửa đổi Khoản 3, Điều 17 (cũ)		
	2. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.	Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này.	
6.	Sửa đổi và bổ sung Điều 18 (cũ) Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ	Điều 20: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ	
	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết 1	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết 1 (một) thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được	Theo Điều 142 Luật Doanh nghiệp và điều 20 điều lệ mẫu

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	(một) thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ Nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc.	ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ Nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề, sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	
	3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.	3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.	
	4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội Đồng Quản Trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một Thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.	3. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.	<i>Điều 142 luật Doanh nghiệp</i>
	Chưa có quy định	7. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	Bổ sung để phù hợp luật DN và NĐ71
	Chưa có quy định	[Bổ sung điểm (b), Khoản 9, Điều 20:]	Bổ sung theo Điểm (b), Khoản 8,

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		b. các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết	Điều 142 Luật Doanh Nghiệp
7.	Thay thế thuật ngữ “Hội đồng Quản trị” trong các khoản 9, 10, 11 Điều 18 (cũ) thành “Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông” trong các điều khoản tương ứng của Điều 20 (mới).	Thay thế thuật ngữ “Hội đồng Quản trị” trong các khoản 9, 10, 11 Điều 18 (cũ) thành “Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông” trong các điều khoản tương ứng của Điều 20 (mới).	Điều 142 luật DN
8.		11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác mà Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.	
9.		12. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để: a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;	
10.	Sửa đổi Điều 20 (cũ): Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (<i>sáu mươi lăm phần trăm</i>) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (<i>ba mươi lăm phần trăm</i>)	1. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông: a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty; b. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS; e. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (<i>ba mươi lăm phần trăm</i>) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; f. Thông qua báo cáo tài chính năm; g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.	Điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 143 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp Điều lệ 51% thông qua

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	<p>tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p>	<p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	
11.	Sửa đổi các khoản 2 và 6 Điều 21 (cũ)	Điều 22	
	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	Điều chỉnh để phù hợp luật DN
		<p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p>	Bổ sung để phù hợp luật DN

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	
	6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	Điều chỉnh để phù hợp luật DN và NĐ71
12.	Điều 22. Biên bản họp ĐHĐCĐ	Điều 23. Biên bản họp ĐHĐCĐ	
	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 146 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Điều lệ mẫu

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		<p>phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
13.	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
	<p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Điều 24 Điều lệ mẫu:</p>

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	<p>lệ công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. 3. Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này</p>	
14.	Chưa có quy định về Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	
		<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất</p>	Bổ sung theo Điều 11, Nghị định 71

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	
15.	Sửa đổi khoản 2, khoản 4, bổ sung khoản 5 và xóa bỏ khoản 6 Điều 24 (cũ)	Điều 26.	
	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 1. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất là 5 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 5 (năm) năm; thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	1. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất là 5 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	
	2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: a. Tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị.	2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: a. Tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị. b. Tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Nghị định 71.
		Bổ sung khoản 3 (thay khoản 3 thành khoản 4): về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung để phù hợp với điều 151 luật DN và NĐ71
		a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật DN; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty	

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		<p>c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.</p>	
	Chưa có quy định	<p>Bổ sung thêm điểm (d), (g), (h), (i) và (j) vào Khoản 4, Điều 26</p> <p>d. Thành viên đó bị chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam;</p> <p>g. Thành viên đó cung cấp thông tin cá nhân sai sự thật khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>h. Cổ đông pháp nhân mà thành viên HĐQT đó làm người đại diện theo ủy quyền bị phá sản, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động hoặc không còn là cổ đông của Công ty;</p> <p>i. Cổ đông pháp nhân thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên HĐQT;</p> <p>j. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
	Chưa có quy định	<p>5. Các trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Khoản 4 Điều này phải ngừng vai trò và công việc tại Công ty kể từ khi:</p> <p>a. Có quyết định của tòa án hoặc cơ quan chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền đối với các trường hợp (c) và (d) Khoản 4 Điều này;</p> <p>b. Hội đồng Quản trị ra quyết định chấp thuận đơn từ nhiệm để trình ĐHCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này;</p> <p>c. Đại hội đồng Cổ đông ra quyết định bãi nhiệm.</p> <p>d. Cổ đông là pháp nhân có văn bản đề nghị rút quyền đại diện gửi đến Hội đồng Quản trị;</p> <p>e. Cổ đông là Pháp nhân mà Thành viên đó làm đại diện theo ủy quyền</p>	

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		bị tuyên bố phá sản, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động hoặc bị rút tên khỏi danh sách cổ đông của Công ty.	
	6. Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.		
16.	Sửa đổi điểm (c), (g), (h); xóa bỏ điểm (f); bổ sung điểm l, m, n, o, p Khoản 3 và sửa đổi điểm g, khoản 4 – Điều 25 (cũ)	Điều 27: Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	
	Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	
	c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;	c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Người phụ trách quản trị công ty, Giám đốc (tổng giám đốc) công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và quyết định mức lương của họ; d. Quyết định quỹ lương hàng năm của Công ty;	Thực tế GD cty con do chủ sở hữu bổ nhiệm; các chi nhánh, VPĐD hoạt động nhân danh cty nên cũng do HĐQT bổ nhiệm.
	e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;	e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	
	f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám Đốc hay cán bộ quản lý khác hoặc người đại diện của Công ty khi Hội Đồng Quản Trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu		

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	có);		
	i. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;	j. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;	Theo Điều 149 Luật Doanh nghiệp
	j. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi	k. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;	
		l. Soạn thảo quy chế nội bộ về quản trị công ty để trình lên Đại hội đồng cổ đông thông qua; m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc; p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).	
	4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn: g. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10 (mười) % mỗi loại cổ phần;	4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn: i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10 (mười) % mỗi loại cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng.	
		5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	Bổ sung theo NĐ71
17.	Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	Quy định này được xóa bỏ	Theo Nghị định 71
18.	Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	
19.	(Bổ sung)	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám	Bổ sung theo luật DN. Theo

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		<p>đốc (Tổng giám đốc) của cùng 01 công ty đại chúng.</p> <p>7. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> <p>đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p>	NĐ71
20.	Điều 28. Các cuộc họp HĐQT	Điều 30. Các cuộc họp HĐQT	
	2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.	2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.	Điều chỉnh lại để phù hợp luật DN và tạo sự nhất quán giữa Khoản 2 và Khoản 7 Điều 30 của Điều lệ
	3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:	3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 5 (năm) cán bộ điều	

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	a. Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 5 (năm) cán bộ quản lý; b. Hai thành viên Hội Đồng Quản Trị; c. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị; d. Đa số thành viên Ban Kiểm Soát.	hành khác; b. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị; c. Ít nhất hai thành viên Hội Đồng Quản Trị; d. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị; e. Đa số thành viên Ban Kiểm Soát.	
	4. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày sau khi có đề xuất họp...	4. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp.	
	7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất 5 (năm) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công ty.	7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất 5 (năm) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp hoặc một phần nội dung chương trình họp bằng cách gửi thư điện tử đến HĐQT. Việc từ chối này có thể bị hủy bỏ hoặc rút lại bằng văn bản bởi thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và có thể bằng Tiếng Anh (nếu cần thiết) phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công ty.	Điều chỉnh cho chặt chẽ, rõ ràng hơn
	8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.	8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện ủy quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	<p>9. Biểu quyết:</p> <p>c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;</p>	<p>9. Biểu quyết:</p> <p>c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên Hội Đồng Quản Trị đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;</p> <p>e. Ban kiểm soát có quyền dự họp Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.</p>	
	<p>10. Công khai lợi ích: ... Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng liên quan.</p>	<p>10. Công khai lợi ích: ... Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên này phải công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng liên quan.</p>	
21.	Chưa có quy định	Bổ sung thêm Khoản 13, Điều 30	
		<p>13. Thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến của Hội đồng Quản trị bằng văn bản</p> <p>a. Trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>b. Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Hội đồng Quản trị và các tài liệu liên quan (nếu có). Phiếu lấy ý kiến phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày đến hạn nhận phiếu lấy ý kiến hoặc một thời hạn ngắn hơn tùy theo sự nhất trí của các thành viên Hội đồng Quản</p>	<p>Bổ sung thêm. Luật Doanh nghiệp cho phép việc HĐQT thông qua nghị quyết bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản. Tuy nhiên, quy trình và thủ tục không được quy định cụ thể tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hiện tại. Vì vậy, HĐQT đề xuất bổ sung một điều khoản quy định cụ thể về quy trình, thủ tục lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của HĐQT trong Điều lệ.</p>

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		<p>trị.</p> <p>c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; (ii) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>(iii) Họ, tên của thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>(iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; (v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>(vi) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>(vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị , thành viên ban kiểm phiếu.</p> <p>d. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>(i) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>(ii) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>e. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>(iii) Tổng số phiếu nhận được, số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>(iv) Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>(v) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên ban kiểm phiếu</p> <p>f. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên ban kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết</p>	

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		<p>định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>g. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến cho các thành viên Hội đồng Quản trị trong vòng mười (10) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>h. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p>	
	<p>14. Biên bản và Nghị quyết họp Hội Đồng Quản Trị: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội Đồng Quản Trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyên đi. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp. Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị do Chủ tịch ký và ban hành căn cứ vào biên bản cuộc họp.</p>	<p>14. Biên bản và Nghị quyết họp Hội Đồng Quản Trị: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm chuyên biên bản họp Hội Đồng Quản Trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyên đi. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng Anh (nếu cần thiết) và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp. Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị do Chủ tịch ký và ban hành căn cứ vào biên bản cuộc họp.</p>	
22.	<p>Sửa đổi khoản 15 Điều 28 (cũ): Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị</p>	<p>Điều 31: Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị</p>	
	<p>Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội Đồng Quản Trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội Đồng Quản Trị có thể có sai sót.</p>	<p>2. Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ.</p>	
23.	<p>Điều 32. Thư ký Công ty</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p>	
	<p>1. Hội Đồng Quản Trị sẽ chỉ định 1 (một) (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều</p>	<p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách</p>	<p>Bổ sung theo NĐ71, phần về thư</p>

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	<p>khoản theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội Đồng Quản Trị cũng có thể bổ nhiệm 1 (một) (hoặc nhiều) Trợ lý, Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tổ chức các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát; b. Làm biên bản các cuộc họp; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát. <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm làm thư ký Công ty.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm. 4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm sát; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty. h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ 	<p>ký công ty được mô tả ở điều liên quan đến chủ tịch HĐQT</p>

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		công ty.	
24.	Sửa đổi khoản 2 và bổ sung khoản 3, Điều 30 (cũ)	Điều 34. Cán bộ Điều hành	
	2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám Đốc sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám Đốc.	2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám Đốc sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với đối với các người điều hành được quy định ở điều 27.3.c sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám Đốc. 3. Mức lương, tiền thù lao và lợi ích của các Cán bộ điều hành khác sẽ do Tổng Giám Đốc quyết định phù hợp với ngân sách quỹ lương của Công ty đã được phê duyệt.	Dựa trên tình hình thực tế tại Công ty
25.	Chưa có quy định	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	
		3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm như sau: a. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính; thương mại theo văn bản ủy quyền của người đại diện Pháp luật Công ty, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; b. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội Đồng Quản Trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; d. Kiến nghị số lượng và các loại Cán bộ Điều hành mà Công ty cần thuê để Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội Đồng Quản Trị đề xuất, và tư vấn để Hội Đồng Quản Trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao	Bổ sung theo Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		<p>động của Cán bộ Điều hành;</p> <p>e. Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>f. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám Đốc phải trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 (năm) năm;</p> <p>g. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội Đồng Quản Trị thông qua;</p> <p>h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>i. Chuẩn bị các bảng dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội Đồng Quản Trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc và pháp luật.</p>	
26.		<p>4.</p> <p>b. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.</p>	Bổ sung theo điều 157 luật DN
27.	<p>Bổ sung Khoản 1, sửa đổi Khoản 4, 5 Điều 34</p> <p>Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	<p>Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	Chưa có quy định	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	Bổ sung theo luật DN
	3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.	4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám Đốc, Cán bộ điều hành khác và người có liên quan của các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	Điều chỉnh theo luật DN
	4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội Đồng Quản Trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội Đồng Quản Trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội Đồng Quản Trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:	5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám Đốc, Cán bộ điều hành, hoặc những người có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Cán bộ điều hành hoặc những người có liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:	Điều chỉnh theo luật DN
	a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20 (hai mươi) % tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị đã được báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp	a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20 (hai mươi) % tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Cán bộ điều hành khác đã được báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực	



STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	<p>đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20 (hai mươi) % của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội Đồng Quản Trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</p>	<p>bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20 (hai mươi) % của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Cán bộ điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này</p> <p>Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám Đốc, cán bộ điều hành và người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
28.	Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và Bồi thường	Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và Bồi thường	
29.		<p>2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với điều lệ mẫu</p>

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		<p>thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm soát viên, Cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Cán bộ điều hành, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình</p>	
30.		<p>Bổ sung Khoản 3, 4 Điều 38</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Cán bộ điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
31.		<p>Điều 39. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p>	
	<p>Chưa có quy định</p>	<p>Bổ sung Điều 39. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ</p>	<p>Bổ sung theo NĐ71</p>

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử	
32.	Điều 36. Ban Kiểm soát	Điều 40: Kiểm soát viên	Theo Điều 163, 164, 169 Luật Doanh nghiệp
	1. Số lượng kiểm soát viên của Công ty là 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	1. Số lượng kiểm soát viên của Công ty là 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	
	2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.	2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: (a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; (b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; (c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	
	Chưa có quy định	5. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên: Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp. b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ điều hành khác; c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty. d. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; e. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc	

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		<p>lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	
	<p>4. Thành viên Ban Kiểm Soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm Soát;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm Soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm Soát liên tục trong vòng 6 (sáu) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm Soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban Kiểm Soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>6. Thành viên Ban Kiểm Soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp nhận;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm Soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm Soát liên tục trong vòng 6 (sáu) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm Soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án tù giam; và</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</p> <p>7. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Cung cấp thông tin cá nhân sai sự thật cho Công ty;</p> <p>d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này</p> <p>h. Cổ đông pháp nhân mà thành viên BKS đó làm người đại diện theo ủy quyền bị phá sản, giải thể hoặc chấm dứt hoạt động hoặc không còn là cổ đông của Công ty;</p> <p>i. Cổ đông pháp nhân thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên BKS;</p>	

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
33.	Bổ sung điểm b, c, d, e khoản 1 và khoản 1 Điều 37 (cũ): Ban Kiểm soát	Điều 41: Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm Soát	
	Chưa có quy định	<i>Bổ sung các điểm b, c, d, e vào Khoản 1, Điều 41 như sau:</i> <ul style="list-style-type: none"> b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông; d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. 	Bổ sung theo NĐ71
	3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm Soát. Ban Kiểm Soát phải họp tối thiểu 2 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2 (hai) người.	3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm Soát. Ban Kiểm Soát phải họp tối thiểu 2 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 số kiểm soát viên.	Theo Điều 23 Nghị định 71.
34.	Điều 38 (cũ): Quyền được tiếp cận thông tin 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh Sách Cổ Đông Có Quyền Biểu Quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông phải tự mình thực hiện những quyền này mà không	Điều 42: Quyền được tiếp cận thông tin 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra Danh Sách Cổ Đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo bản gốc giấy ủy quyền hợp lệ của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng hợp lệ của giấy ủy quyền này	Điều chỉnh theo điều lệ mẫu

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
	được ủy quyền cho người khác thực hiện.		
35.	Sửa đổi Khoản 6 Điều 40 (cũ)	Điều 44. Phân phối lợi nhuận	
	<p>6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.</p>	<p>6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc bằng chuyển khoản ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.</p>	Điều chỉnh theo điều lệ mẫu
	<p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội Đồng Quản Trị có thể thông qua Nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</p>	<p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội Đồng Quản Trị có thể thông qua Nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày chốt danh sách cổ đông này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan</p>	

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
36.	Điều 44. Năm tài khóa	Điều 48: Năm tài chính	
37.	Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy phép kinh doanh) đó.	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.	Điều chỉnh theo điều lệ mẫu
38.	Sửa đổi khoản 4, 5 Điều 46 (cũ)	Điều 50: Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý	
	4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng 3 (ba) số liên tiếp. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và 6 (sáu) tháng của Công ty phải được công bố trên website đó. 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo 6 (sáu) tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	4. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	Theo Điều 171 Luật Doanh nghiệp
39.	Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	Điều 51: Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Theo Khoản 2 Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC
40.		Điều 52: Kiểm toán	
41.		1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền	Điều chỉnh theo điều lệ mẫu

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ và Ghi chú
		<p>cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội Đồng Quản Trị. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm với báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	
42.	Điều 49. Con dấu	Điều 53. Con dấu	
43.	<p>1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của công ty về hình thức, số lượng và nội dung con dấu. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: 1) Tên doanh nghiệp; 2) Mã số doanh nghiệp.</p> <p>2. Trước khi sử dụng, công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>3. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty về hình thức, số lượng và nội dung con dấu. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành</p>	Theo điều 48 của Điều lệ mẫu
44.	Điều 53. Thanh lý	Điều 57. Thanh lý	
45.	Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p>	Điều chỉnh theo luật DN

STT	Quy định hiện tại trong Điều lệ	Quy định mới sau khi được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở và Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> a. Các chi phí thanh lý; b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà công ty phải trả cho nhà nước d. Các khoản vay (nếu có) e. Các khoản nợ khác của công ty f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục a) đến e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước. 	<ul style="list-style-type: none"> b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; c. Nợ thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước; d. Các khoản nợ khác của Công ty; e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước. 	